TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày 10 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ.

Ông Phạm Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2024/TLST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: 266 - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Như H, sinh năm 1984; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 5 năm 2024), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Đình C, sinh năm 1990; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Ngô Thị Như H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S1) và ông Trần Đình C đã ký kết "Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng kiêm hợp đồng", kèm theo các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1.

Căn cứ theo hợp đồng, Ngân hàng S1 đã phát hành thẻ tín dụng cá nhân cho ông Trần Đình C với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng tại thời điểm phát hành thẻ là 31,20%/năm.

Ông Trần Đình C đã sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Tính đến ngày 10/6/2025, ông Trần Đình C còn nợ Ngân hàng S1 số tiền 80.731.798 đồng (tám mươi triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng), bao gồm: dư nợ gốc là 78.371.368 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng); nợ lãi là 2.360.430 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Trần Đình C phát sinh dư nợ nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Mặc dù, Ngân hàng S1 đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở và tạo điều kiện về thời hạn thanh toán, nhưng ông C vẫn không hợp tác và không thể hiện thiện chí trả nợ. Do đó, ngày 10 tháng 8 năm 2024, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông C và chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu ông Trần Đình C trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 10/6/2025 là 80.731.798 đồng (tám mươi triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng), bao gồm: dư nợ gốc là 78.371.368 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng); nợ lãi là 2.360.430 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng). Đồng thời, yêu cầu ông Trần Đình C tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của hợp đồng sau ngày 10/6/2025 cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ gốc, lãi và phí.

Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" được Ngân hàng S1 phê duyệt ngày 17/12/2021.

Tòa án không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho ông Trần Đình C do ông Trần Đình C thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Theo kết quả xác minh tại Công an thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương: ông Trần Đình C có đăng ký thường trú tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông C theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của ông Trần Đình C, trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, ông Trần Đình C không gửi văn bản trình bày ý kiến của bị đơn về việc Ngân hàng S1 tranh chấp hợp đồng tín dụng và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày; bị đơn ông Trần Đình C vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng S1 yêu cầu ông Trần Đình C trả số tiền 80.731.798 đồng (tám mươi triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng), bao gồm: dư nợ gốc: 78.371.368 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng); nợ lãi là 2.360.430 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng) theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" ngày 17 tháng 12 năm 2021. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: ông Trần Đình C có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: bị đơn ông Trần Đình C đã được thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được thông báo hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Đình C theo quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn Ngân hàng S1 yêu cầu bị đơn ông Trần Đình C phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 10/6/2025 là 80.731.798 đồng (tám mươi triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng), bao gồm: dư nợ gốc là 78.371.368 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng); nợ lãi là 2.360.430 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng). Ngoài ra, ông Trần Đình C phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 11/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay, theo

mức lãi suất, phí phát sinh và các thỏa thuận tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng".

[3.2] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" được Ngân hàng S1 phê duyệt ngày 17/12/2021 thì giữa chủ thẻ chính là ông Trần Đình C và bên phát hành thẻ là Ngân hàng S1 có thỏa thuận việc cấp mới và sử dụng thẻ tín dụng Visa Classic, hạn mức tín dụng là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng.

Căn cứ bảng sao kê tài khoản thẻ tín dụng Ngân hàng S1 của ông Trần Đình C (Căn cước công dân: 0700900080585, số thẻ 472074-7848) do Ngân hàng S1 cung cấp tính đến thời điểm ngày 10/6/2025, ông Trần Đình C còn nợ Ngân hàng S1 tổng số tiền 80.731.798 đồng (tám mươi triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng), bao gồm: dư nợ gốc là 78.371.368 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng); nợ lãi là 2.360.430 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"*. Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận; 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc…".*

Căn cứ Điều 20 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán: "… *số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.*" Căn cứ Điều 18, 19 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định "… *Chủ thẻ có trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả dư nợ cho đến khi thanh toán đầy đủ trong tất cả các trường hợp ....*" Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụngđịnh: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng".*

Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụngđịnh: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng".*

Xét thấy, bị đơn ông Trần Đình C đã nhiều lần được Ngân hàng S1 thông báo nhắc nhở về việc thanh toán nợ nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận cho Ngân hàng S1 là đã vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng và Điều khoản, Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu ông Trần Đình C phải có nghĩa vụ trả số tiền dư nợ gốc 78.371.368 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu trả lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 10/6/2025) là 2.360.430 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng) và buộc ông Trần Đình C phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng S1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*".

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng qui định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

Căn cứ Điều 21 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: *"việc thanh toán sẽ áp dụng theo thứ tự sau: các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước…"*.

Căn cứ Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: *"Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên thẻ. Lãi được tính như sau: …"*.

Xét thấy, trong quá trình sử dụng thẻ và thanh toán nợ cho Ngân hàng S1, bị đơn ông Trần Đình C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng S1 đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông Trần Đình C sang nợ quá hạn.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1 về việc buộc bị đơn ông Trần Đình C phải trả tiền lãi 2.360.430 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng) và buộc ông Trần Đình C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 11/6/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng S1 theo mức lãi thỏa thuận tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cần được chấp nhận.

[4] Như đã phân tích ở đoạn [3.2], [3.3] Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Trần Đình C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S1 được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều

39, Điều 96, các Điều 147, 217, 218, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280; Điều 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bị đơn ông Trần Đình C về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Trần Đình C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 80.731.798 đồng (tám mươi triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng), bao gồm: dư nợ gốc: 78.371.368 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng); nợ lãi là 2.360.430 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày 11/6/2025 đến khi thi hành án xong, nếu ông Trần Đình C không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi do Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Trần Đình C đã thỏa thuận trong "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" ngày 17/12/2021 trên số nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 1.510.802 đồng (một triệu năm trăm mười nghìn đồng tám trăm lẻ hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003822 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Buộc ông Trần Đình C phải nộp 4.036.590 đồng (bốn triệu không trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Thảo